

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vĩnh Thái tại Văn bản số 23/2026/VTC ngày 06 tháng 3 năm 2026 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 171/TTr-SNNMT-CCKSBVMT ngày 12 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vĩnh Thái, địa chỉ tại Làng nhà mẫu Khu đô thị Mỹ Gia, đường Phong Châu, thôn Vĩnh Xuân, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại

phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường Võ Nguyên Giáp, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4200691908 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Khánh Hòa cấp, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13 tháng 03 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 4200691908.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng khu nhà ở xã hội cho cán bộ, chiến sỹ công an.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích: 59.758 m².

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này: 1.570 căn hộ nhà ở xã hội; 4.500 người; tầng cao tối đa 15 tầng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vĩnh Thái được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vĩnh Thái có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Khánh Hòa, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Nam Nha Trang nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Dự án nêu trên; đồng thời bảo đảm rằng các nội dung và yêu cầu về bảo vệ môi trường được quy định tại các Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Nam Nha Trang;
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vĩnh Thái;
- TT Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VP+TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

¹ Theo Quyết định số 192/1-SNNMT ngày 29/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ các khu chung cư từ CC1 đến CC8;
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ khu trường mầm non;
- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt từ khu thể thao.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Võ Nguyên Giáp, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; sau đó dẫn về cửa xả thoát vào sông Tác cách dự án khoảng 800m về phía Tây.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3^o): X = 1354368, Y = 598384.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 820 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý được dẫn bằng đường ống HDPE D90 đặt ngầm ra nguồn tiếp nhận theo phương thức bơm cưỡng bức.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 2, cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	06 tháng/lần	Không áp dụng
2	BOD ₅ ở 20°C	mg/L	≤ 35		
3	COD	mg/L	≤ 90		
	hoặc TOC	mg/L	≤ 45		
4	TSS	mg/L	≤ 60		
5	Amoni, tính theo N	mg/L	≤ 8,0		
6	Tổng Nitơ	mg/L	≤ 30		
7	Tổng Phốt pho	mg/L	≤ 6,0		
8	Tổng Coliform	MPN /100ml	≤ 5 000		
9	Sunfua	mg/L	≤ 0,5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 5,0		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của hộ gia đình, trường mầm non và khu thể thao được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải từ khu bếp của hộ gia đình, trường mầm non được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể sinh học → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 820 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, dinh dưỡng, Chlorine, Chế phẩm vi sinh khử mùi hôi Bio-Ot.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Thường xuyên bảo trì máy móc, thiết bị trong hệ thống theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Thường xuyên nạo vét các hố ga, mương dẫn để tránh việc tắc, nghẽn công trình xử lý nước thải.

- Lập nhật ký vận hành để giám sát theo dõi sự ổn định của công trình xử lý nước thải.

- Định kỳ lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải sau xử lý để đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý nước thải.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật chuyên trách về môi trường theo dõi quá trình vận hành công trình xử lý nước thải trong suốt quá trình hoạt động theo đúng quy trình đã được hướng dẫn, bàn giao.

- Trang bị các thiết bị dự phòng, khi có thiết bị bị hỏng sẽ vận hành thiết bị dự phòng.

- Khi công trình xử lý nước thải gặp sự cố tại một trong các bể làm gián đoạn quá trình xử lý sẽ báo ngay cho cán bộ, công nhân vận hành phụ trách tiến hành khắc phục sự cố theo quy trình khắc phục sự cố đã ban hành.

- Trường hợp, phát hiện chất lượng nước thải không đạt chuẩn khi thải ra môi trường, nước thải sẽ lưu chứa tạm tại các bể: bể thu gom (67,5 m³), bể điều hòa (288,23 m³), bể Anoxic (173,25 m³), bể MBBR (128,7 m³), bể sinh học (220 m³), bể lắng (121,5 m³), bể khử trùng (42,53 m³). Tổng sức chứa các bể này là 1.041,71 m³ đủ để lưu chứa tạm nước thải trong thời gian chờ khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố công trình xử lý nước thải, nước thải sẽ được bơm xử lý theo quy trình công nghệ xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng (kể từ thời điểm hoàn thành lắp đặt công trình xử lý nước thải).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Công trình xử

lý nước thải công suất thiết kế 820 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào (01 vị trí): Tại bể thu gom.
- Vị trí lấy mẫu đầu ra (01 vị trí): Tại vị trí xả vào nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP).

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đấu nối nước thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trước khi xả ra nguồn tiếp nhận và khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng
năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Dự kiến khoảng 150 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Dự kiến khoảng 1.742,8 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Dự kiến khoảng 2.347 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa đáp ứng các yêu cầu quy định theo khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy, có dán nhãn, dung tích 60 lít, 120 lít, 240 lít và 660 lít.

- Kho lưu chứa trong nhà đáp ứng các yêu cầu quy định theo khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Diện tích: 04 m²/kho.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bùn thải từ bể tự hoại và bùn từ công trình xử lý nước thải định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí các thùng rác bằng nhựa, có nắp đậy tại các phòng chứa rác tại mỗi tầng của các tòa nhà được thiết kế kín cửa 02 lớp và có gioăng ngăn mùi, có hệ thống thông riêng gió. Hằng ngày, nhân viên thu gom và phân loại, vận chuyển về khu vực tập kết.

- Khu vực tập kết: Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa trong các thùng rác, có nắp đậy, dung tích 360 lít tại mỗi tòa. Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt

đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật được quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT. Diện tích: 1.480 m² tại tầng 1 của 07 tòa (gồm: tòa CCTM06-07 và CCXH01-02-03-04-05); và 02 phòng diện tích 225 m²/phòng tại tầng 1 của tòa CCTM08.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

Thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về phòng ngừa sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường./.

Phụ lục 3**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng 03 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư 09/2026/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố chất thải theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các nội dung cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.